

Bản án số: 39/2024/LĐ - ST
Ngày: 31 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng lao
động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Hồng Diễm Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý;
- Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLST-LĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Thảo U, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số D, đường T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trang Thị Thảo V, sinh năm 2002; nơi cư trú: Tổ F, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/9/2024)

- Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Lô F, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T: Ông H, Y- C, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông W, C- H, sinh năm 1976- chức vụ: Giám đốc; địa chỉ liên hệ: Lô F, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2023). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ trụ sở: Số B, Quốc lộ A, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng K, chức vụ: Giám đốc. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn bà Trang Thị Thảo V trình bày:

Từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2017 ông O làm việc tại Công ty TNHH K1 (Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội cho ông O từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2017 theo sổ bảo hiểm số 7410178488. Đến khoảng tháng 9/2024 ông O đến bảo hiểm xã hội để xin thực hiện thủ tục nhận tiền bảo hiểm, lúc này ông O được biết Công ty TNHH T; địa chỉ trụ sở: Lô F, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương tham gia bảo hiểm xã hội cho ông O từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011 tại sổ bảo hiểm mã số 7410203724. Ông O khẳng định từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2017 ông O chỉ làm ở Công ty TNHH K1 (Việt Nam), không làm việc tại Công ty TNHH T nên không rõ lý do vì sao lại có sự việc này. Ông O đồng ý tự nguyện nộp lại toàn bộ cho bảo hiểm xã hội thành phố B số tiền 2.631.513 đồng đã hưởng chế độ trợ cấp BHXH một lần của mã số 7410203724 của quá trình nộp bảo hiểm trùng từ tháng 7/2010 đến tháng 01/2011 của người lao động có thông tin họ tên Nguyễn Văn O.

Nay ông O yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011 giữa người lao động có thông tin họ tên Nguyễn Văn O với Công ty TNHH T vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Ngày 24/12/2024 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy sổ bảo hiểm số 7410203724 đứng tên Nguyễn Văn O làm việc tại công ty TNHH T.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH T – do ông W, C- H đại diện trình bày:

Công ty TNHH T xác nhận vào thời điểm từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011, phía công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Nguyễn Văn O, sinh năm 1990. Phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011 theo sổ bảo hiểm số 7410203724. Sau đó người lao động nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, công ty bị đập, đốt phá sổ sách nên hồ sơ của người lao động phía công ty không còn lưu trữ. Đến nay, phía công ty xác nhận, không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty có đúng với người lao động có thông tin thể hiện trong hợp đồng lao động hay không. Đến khi công ty nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc trùng bảo hiểm xã hội đối với người lao động có tên Nguyễn Văn O thì công ty mới được biết sự việc nêu trên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xin trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ của người lao động có tên Nguyễn Văn O. Đề nghị Tòa

án căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011 giữa người lao động có thông tin họ và tên Nguyễn Văn O với Công ty TNHH T là vô hiệu thì Công ty TNHH T không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:

Công ty TNHH T, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1990, số CMND: 341456602, mã số BHXH: 7410203724 và mức lương cụ thể: Từ tháng 07/2011 đến tháng 12/2011, chức danh: Công nhân, mức đóng: 1.280.000 đồng (lương chính: 1.280.000 đồng). Từ tháng 01/2012 đến tháng 01/2012, chức danh: Công nhân, mức đóng: 1.450.000 đồng (lương chính: 1.450.000 đồng). Ông Nguyễn Văn O đã hưởng chế độ trợ cấp BHXH một lần của mã số: 7410203724 với số tiền 2.631.513 đồng.

BHXH thành phố B trả lời đề Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát được biết và giải quyết vụ việc theo pháp luật. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, BHXH thành phố B đề nghị Quý Tòa giải quyết cơ quan BHXH vắng mặt

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[1.2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T và ông Nguyễn Văn O. Tuy nhiên, Công ty TNHH T thừa nhận có Hợp đồng nhưng thời gian đã lâu nên thất lạc. Như vậy có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T và người lao động có thông tin Nguyễn Văn O. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Văn O và Công ty TNHH K1 (Việt Nam) có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2017, được Công ty TNHH K1 (Việt Nam) tham gia BHXH, BHYT đầy đủ. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông O được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 7410203724.

Bị đơn Công ty TNHH T xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Văn O và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011, sau đó chấm dứt việc làm. Hiện hồ sơ công ty không còn lưu giữ, cũng không xác định được người làm việc trên thực tế có đúng với thông tin của người lao động trong hồ sơ xin việc hay không.

Như vậy, Công ty TNHH T và Công ty TNHH K1 (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội cho ông O từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011. Tuy nhiên, thực tế ông O chỉ làm việc tại Công ty TNHH K1 (Việt Nam), không làm việc tại Công ty TNHH T. Do đó, hợp đồng ký kết giữa ông O và Công ty TNHH T vô hiệu do vi phạm quy định tại Điều 122 và điểm b, c khoản 1 Điều 117.

[2.2] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu được xác định theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều không xác định được người đã có thời gian thực tế làm việc tại Công ty TNHH T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 127; 131 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn O đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc yêu cầu hủy sổ bảo hiểm số 7410203724 đứng tên Nguyễn Văn O làm việc tại công ty TNHH T.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn O về việc “tranh chấp về hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty TNHH T.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Nguyễn Văn O và Công ty TNHH T từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2011 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn O có trách nhiệm nộp lại số tiền 2.631.513 đồng đã hưởng chế độ trợ cấp BHXH một lần của mã số 7410203724 vào quỹ bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn O phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Diễm Phúc